

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 239/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-5-2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Công Minh

2. Ông Phạm Thành Trại

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Cẩm Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2020/TB-TLVA ngày 03 tháng 3 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Võ Thị Thanh L**, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: **Anh Bùi Minh T**, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 26 tháng 02 năm 2020 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Thanh L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Minh T tự nguyện chung sống từ năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T không quan tâm đến vợ con và mâu thuẫn với nhau về vấn đề tiền bạc, gần đây anh T còn có hành vi vũ lực bóp cổ chị không rõ lý do. Đến khoảng tháng 02/2020, anh T điện thoại đe dọa nên chị không dám về nhà mà về nhà cha mẹ ruột ở, sau đó anh T còn đến nhà cha mẹ ruột chị quậy phá nên từ đó chị về nhà mẹ ruột sống ly thân với anh T luôn cho đến nay. Nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không có khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T chung sống có 02 con chung tên Bùi Thị Ngọc Y sinh ngày 19/5/1999 và Bùi Ngọc Ngân Q sinh ngày 21/12/2014. Hiện cháu Y đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị đang nuôi cháu Q. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 27 tháng 3 năm 2020 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Bùi Minh T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Võ Thị Thanh L về quá trình kết hôn, con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh không thống nhất. Chị L cho rằng anh không chăm lo cho vợ con là không đúng, trước đây anh vẫn lo cho vợ con, anh làm thợ hồ có thu nhập là anh đưa tiền cho vợ lo cho gia đình khoảng 01 năm nay, anh trúng số, anh vẫn dùng số tiền này để lo cho vợ, con. Việc chị L cho rằng anh hay nhậu nhẹt là có nhưng anh nhậu là do tính chất công việc. Anh xác định anh không có đánh vợ. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng bắt đầu từ khi anh bị tai nạn, chị L chăm sóc anh ở bệnh viện thì chị L đã quen và qua lại nhiều lần với người đàn ông khác. Anh đã trao đổi với chị L về việc này nhưng chị L cho rằng giữa chị L và người đó chỉ là bạn bè. Nay, qua yêu cầu của chị L, anh đồng ý ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nhưng anh không ký biên bản thuận tình ly hôn vì anh muốn giải quyết vấn đề tiền bạc giữa anh và cha mẹ vợ trước khi giải quyết ly hôn. Về con chung: cháu Bùi Thị Ngọc Y đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh đồng ý giao cháu Bùi Ngọc Ngân Q cho chị L nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy

định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

[1.1] Chị Võ Thị Thanh L và anh Bùi Minh T tự nguyện chung sống vào năm 1997, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 106 quyển số 01/2014 ngày 10/9/2014. Như vậy, chị L và anh T có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ vào các Điều 9 và 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Thanh L và anh Bùi Minh T là hợp pháp.

[1.2] Chị L yêu cầu ly hôn với anh T vì cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 nguyên nhân do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho vợ con lại còn nghi ngờ, ghen tuông và quậy phá cha mẹ chị L và sống ly thân nhau từ tháng 02/2020 cho đến nay mà không hàn gắn tình cảm được. Anh T cũng nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không hàn gắn được nên anh T cũng đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện cha mẹ chị L phải trả cho anh T số tiền 100.000.000đồng mà anh T đã cho cha mẹ vợ khi trúng số. Xét thấy, chị L và anh T đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chị L và anh T không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, thời gian sống ly thân đã lâu. Anh T không ly hôn không phải vì muốn vợ chồng đoàn tụ và vì vợ chồng còn thương yêu, quan tâm nhau, muốn xây dựng hạnh phúc mà không ly hôn chỉ vì muốn cha mẹ vợ trả lại tiền cho anh T, anh T lại không yêu cầu giải quyết về khoản nợ trong vụ án này. Ngoài ra, thời gian qua, anh T cũng không đưa ra được giải pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[1.2] Về con chung: Chị Võ Thị Thanh L và anh Bùi Minh T chung sống có 02 con chung tên Bùi Thị Ngọc Y sinh ngày 19/5/1999 và Bùi Ngọc Ngân Q sinh ngày 21/12/2014. Hiện cháu Y đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Anh T đồng ý giao cháu Q cho chị L nuôi dưỡng. Xét thấy, trong thời gian chị L và anh T sống ly thân, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo về sinh hoạt và học tập cho con. Do đó, để

đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt, học tập và phát triển bình thường của cháu Q, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao cháu Q cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

[1.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Như nhận định trên, chị L là người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung có đủ điều kiện nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh T cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[1.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự không đặt ra xem xét.

[2] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Võ Thị Thanh L phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Thanh L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Thanh L được ly hôn với anh Bùi Minh T.

- Về con chung: Chị Võ Thị Thanh L và anh Bùi Minh T có 02 con chung tên Bùi Thị Ngọc Y, sinh ngày 19/5/1999 và Bùi Ngọc Ngân Q, sinh ngày 21/12/2014. Hiện cháu Bùi Thị Ngọc Y đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án. Giao con chung tên Bùi Ngọc Ngân Q cho anh chị Võ Thị Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Bùi Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Võ Thị Thanh L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Võ Thị Thanh L đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 01983 ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Huỳnh Trúc